

Số: 108/2019/QĐST - DS
Ngày: 22/01/2019
V/v: Yêu cầu tuyên bố một
người là đã chết

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Chủ tọa phiên họp: Bà **Dương Thị Thảo Trân** – Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà **Lê Thị Luy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Ngọc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công giải quyết việc dân sự thụ lý số
1384/2018/TLST- DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 về yêu cầu tuyên bố một người là đã
chết, theo Quyết định mở phiên họp số 06/2019/QĐST – DS ngày 07 tháng 01 năm
2019;

Người yêu cầu: Bà **Nguyễn T M**, sinh năm 1966

Địa chỉ: 86/2 ấp 2 xã Sơn Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc việc dân sự:

Ông T T T Nhân, sinh năm 1969

Địa chỉ: 251/45 Lê Quang Định, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền được Văn phòng Công chứng Huỳnh
Thị Ngọc Yên, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 011671, quyền số 02/2018TP/CC –
SCC/HĐGD ngày 23/7/2018).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Bà N. T. M và ông Đ V Đ kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân quận Bình
Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống giữa bà M và ông Đ không có
con chung. Năm 2008, ông Đ bỏ nhà đi cho đến nay không có tin tức gì. Nơi cư trú
cuối cùng của ông Đ là tại số 41/8B Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay nơi cư trú cuối cùng của ông Đ đã bị giải tỏa nên
bà M không thể liên lạc, không có bất kỳ thông tin nào về gia đình ông Đ,

Do cần bổ sung hồ sơ giấy tờ nên bà N. T. M yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đ V Đ,
sinh năm 1957, nơi cư trú cuối cùng tại số 41/8B Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình
Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

Về thẩm quyền: Bà N. T. M có đơn yêu cầu tuyên bố chồng là ông Đ V Đ, sinh năm 1957 là đã chết. Đây là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do ông Đ có nơi cư trú cuối cùng tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tư cách tố tụng: Ngày 18 tháng 12 năm 2018, Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu là ông Trần Tấn Trí Nhân có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự, lý do bận công việc. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người đại diện hợp pháp của người yêu cầu.

Về nội dung: Bà N. T. M yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Văn Đ là đã chết vì ông Đ đã biệt tích từ năm 2008 cho đến nay, không có tin tức gì xác thực là ông Đ còn sống hay đã chết.

Căn cứ vào Trích lục kết hôn (bản sao) số 675/TLKH – BS ngày 03/11/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà N. T. M và ông Đ V Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh số 14 ngày 18/01/2005. Do đó có cơ sở xác định bà N. T. M là vợ hợp pháp của ông Đ V Đ là người có quyền, lợi ích liên quan, được quyền yêu cầu tuyên bố ông Đ là đã chết theo quy định Điều 391 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào lời khai của bà N. T. M thì ông Đ đã biệt tích từ 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là ông Đ còn sống.

Căn cứ kết quả trả lời của Công an quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Đ V Đ có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại số 41/8B Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh năm 1976 và thực tế cư trú tại địa chỉ trên đến năm 1991, từ năm 1991 đến nay không còn thực tế cư trú tại địa phương.

Tòa án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc ông Đ là còn sống là đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự.

Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N. T. M về việc tuyên bố ông Đ V Đ là đã chết. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 71 và khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự thì ngày chết của ông Đ được xác định là ngày 01/02/2003.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà N. T. M phải chịu theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 48, Điều 67, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 391, Điều 393 của Bộ Luật Tố tụng dân năm 2015;

Căn cứ vào Điều 71 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà N. T. M: Tuyên bố ông Đ V Đ, sinh năm 1957, nơi cư trú cuối cùng tại số 41/8B Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết. Ngày chết của ông Đ V Đ được xác định là ngày 02/01/2013.

2. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố ông Đ V Đ là đã chết.

2.2 Khi quyết định của Tòa án tuyên bố một người là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của người đó được giải quyết như đối với người đã chết.

2.2 Quan hệ tài sản của người bị Tòa án tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người đó được giải quyết theo quy định pháp luật về thừa kế.

Khi một người bị tuyên bố là đã chết trở về hoặc có tin tức xác thực là người đó còn sống thì theo yêu cầu của người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố người đó là đã chết.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: 300.000 đồng, bà N. T. M phải chịu được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005054 ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Hồ sơ/ Lưu VP.

THẨM PHÁN

Dương Thị Thảo Trân

